TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2020
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 908/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thòng Quốc L, sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 6B, ấp C, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Vòng Tàu N, sinh năm 1984.

HKTT: Ấp C, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(chị L có mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Thòng Quốc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vòng Tàu Nhanh tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh N không chăm lo gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ tháng

6/2016, cũng là thời điểm anh N bỏ đi khỏi địa phương, chị có tìm cách liên lạc với anh N nhưng không được và chị đã yêu cầu tuyên bố anh N mất tích và đã được Tòa án chấp nhận đơn.

Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có một con chung là cháu Vòng Tú Q, sinh ngày: 04/12/2015, ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Vòng Tàu N trình bày:

Anh Vòng Tàu N bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 6/2016 và đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom tuyên bố mất tích theo quyết định số 12 ngày 30/9/2019. Sau khi thụ lý vụ án nêu trên, Tòa án tiếp tục triệu tập anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị L được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Thòng Quốc L khởi kiện xin ly hôn với anh Vòng Tàu N, sinh năm: 1984, địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Vòng Tàu N đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thòng Quốc L và anh Vòng Tàu N chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 23/4/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị L, quá trình chung sống của vợ chồng chị thì thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến thán 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh N cũng không quan tâm chăm sóc gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, anh N đã tự ý bỏ nhà đi và không liên lạc với gia đình từ tháng 6/2016 cho đến nay, chị L đã yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh N và Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom ban hành quyết định số 12/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019 tuyên bố anh N mất tích. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập anh N làm việc, hòa giải, xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh N không có thiện trí hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Từ những cơ sở trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L với anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L xin ly hôn với anh N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung là cháu Vòng Tú Q, sinh ngày: 04/12/2015, ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng, đồng thời chị L đang làm việc tại Công ty TNHH H với mức lương 6.000.000 đồng/tháng nên chấp nhận yêu cầu về con chung của chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[5] Như nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" của chị Thòng Quốc L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thòng Quốc L được ly hôn với anh Vòng Tàu N.

2. Về con chung: Giao cháu Vòng Tú Q, sinh ngày: 04/12/2015 cho chị Thòng Quốc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vòng Tàu N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vòng Tàu N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thòng Quốc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007404 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Thòng Quốc L đã nộp đủ án phí.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã Cây Gáo;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hương